

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-PT

Ngày 22-9-2021

V/v tranh chấp về chia tài sản sau
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Phi Yên

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Đình Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy H; sinh năm 1977; cư trú tại: đường A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Bà Phan Lê Thanh T; sinh năm 1983; cư trú tại: đường H, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phan Lê Thanh T là bà Dương Kim H; địa chỉ đường Nguyễn N, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền, ngày 19 tháng 5 năm 2020).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Văn Đ; sinh năm 1950

2. Bà Lê Thị Kim T; sinh năm 1948

Cư trú tại: đường L, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Kim T là bà Nguyễn Thị Ngọc A; địa chỉ 12 đường N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền, ngày 27 tháng 7 năm 2021).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Huy H, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Huy H, trình bày: Ông và bà Phan Lê Thanh T kết hôn vào năm 2006 và đã ly hôn ngày 24-10-2019 theo quyết định của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng; khi ly hôn thì tài sản chung của ông và bà T chưa giải quyết phân chia; nay ông xác định và yêu cầu cụ thể như sau:

- Trong thời kỳ hôn nhân, ông và bà Phan Lê Thanh T đã tạo lập được 02 thửa đất tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng; 01 thửa tại địa chỉ đường H (nhận chuyển nhượng ngày 13-11-2015) và thửa còn lại tại địa chỉ đường T (nhận chuyển nhượng ngày 02-6-2016). Về nguồn gốc 02 thửa đất này được hình thành từ công sức lao động của bản thân ông, nhưng do tin tưởng vào tình cảm vợ chồng và để bà T an tâm chăm sóc gia đình nên khi nhận chuyển nhượng thì ông đã ký các Văn bản thỏa thuận về tài sản trong thời kỳ hôn nhân để xác định

02 thửa đất này là tài sản riêng của bà T và bà T được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đến năm 2016, ông và bà T có ký kết hợp đồng vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á số tiền 800 triệu đồng với mục đích xây dựng nhà ở và nhà cho thuê. Hiện tại 02 căn nhà trên vẫn chưa thực hiện việc cập nhật tài sản hình thành trên đất thì năm 2018, bà T đã tự ý tặng cho toàn bộ nhà và đất cho bố mẹ đẻ của bà T là ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Kim T mà chưa thông qua ý kiến của ông. Việc bà T không có trao đổi hay sự đồng ý của ông mà tự tặng cho tài sản của vợ chồng là đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp về tài sản của ông trong thời kỳ hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông liên quan đến tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Lê Thanh T có trách nhiệm hoàn trả cho ông phần công sức đóng góp xây dựng nhà trên đất tại địa chỉ đường H là 600 trăm triệu đồng và công sức đóng góp xây dựng nhà trên đất tại địa chỉ đường T là 400 trăm triệu đồng; tổng cộng là 01 tỷ đồng, nhưng ngày 16-10-2019 ông đã nhận của bà T 500 trăm triệu đồng; nên nay ông yêu cầu bà T thôi trả tiếp số tiền còn lại là 500 trăm triệu đồng.

Bị đơn bà Phan Lê Thanh T, trình bày: Trước khi ly hôn với ông Nguyễn Huy H thì ngày 16-10-2019 giữa bà và ông H đã lập và ký biên bản thỏa thuận về chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân, một phần trong đó có nội dung: Căn nhà tại đường H và căn nhà tại đường T, cùng phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung của ông H, bà T; hiện đã chuyển nhượng cho ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Kim T; bà T có trách nhiệm thôi trả cho ông H số tiền 500 trăm triệu đồng; ông H đã nhận đủ số tiền 500 trăm triệu đồng và cam kết sau này không tranh chấp đối với tài sản này. Như vậy, đối với tài sản chung là 02 căn nhà xây trên 02 thửa đất nói trên đã được giải quyết xong từ ngày 16-10-2019; nay ông H tiếp tục tranh chấp thì bà không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Kim T, thống nhất trình bày:

- Giữa bà Phan Lê Thanh T và ông Nguyễn Huy H đã có thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là căn nhà tại đường H và căn nhà tại đường T, cùng phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên bản thỏa thuận ngày 16-10-2019. Vợ chồng ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Kim T cho bà T 500 trăm triệu đồng để thôi trả cho ông H theo đúng như thỏa thuận; nên bà T được quyền sở hữu đối với 02 căn nhà trên. Phần ông H đã nhận đủ 500 trăm triệu đồng và đã cam kết sau này sẽ không tranh chấp đối với tài sản này. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của ông H đối với bà T.

- Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Kim T có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án công nhận quyền sở hữu đối với căn nhà tại đường H và căn nhà tại số đường T cho ông bà, nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 38, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40, Điều 43 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 458 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy H đối với bà Phan Lê Thanh T về việc tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Kim T về việc yêu cầu công nhận quyền sở hữu.

- Xử:

+ Công nhận căn nhà 02 tầng xây trên diện tích đất 75m² tại địa chỉ đường T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu của ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Kim T.

+ Công nhận căn nhà 02 tầng xây trên diện tích đất 102,5m² tại địa chỉ đường H, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu của ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Kim T.

- Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí định giá tài sản; thủ tục thi hành án và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Ngày 05-5-2021, ông Nguyễn Huy H nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy bản án sơ thẩm vì bản án đã tuyên vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của ông H trong quá trình giải quyết vụ việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người kháng cáo ông Nguyễn Huy H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H, theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Huy H, đã thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các điều 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Huy H về nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của ông H trong quá trình giải quyết vụ việc, thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ; đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; mặt khác, ông H cũng không nêu ra được vi phạm nào của Tòa án cấp sơ thẩm. Ngoài ra, tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng vào ngày 09-7-2021, thì ông H cũng đã xác định là Tòa án cấp sơ thẩm không làm sai gì hết, về thủ tục tố tụng Tòa án đã làm đúng; chỉ có yêu cầu khởi kiện của ông là không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận nên ông mới kháng cáo đề nghị xử phúc thẩm. Do đó kháng cáo về nội dung này của ông H là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Huy H về nội dung giải quyết yêu cầu chia tài sản chung là 02 căn nhà tại địa chỉ đường H và đường T, cùng phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, thì thấy:

Đối với 02 thửa đất để xây dựng 02 căn nhà nói trên tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng; 01 thửa tại địa chỉ đường H (nhận chuyển nhượng ngày 13-11-2015) và thửa còn lại tại địa chỉ đường T (nhận chuyển nhượng ngày 02-6-2016) là tài sản riêng của bà Phan Lê Thanh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp và các bên đương sự cũng không có tranh chấp.

Trong thời kỳ hôn nhân với ông Nguyễn Huy H, thì năm 2016 bà Phan Lê Thanh T đã tiến hành xây nhà ở trên 02 thửa đất đường H và đường T, do đó 02 căn nhà này là tài sản chung của ông H và bà T theo quy định tại Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 221 và Điều 222 của Bộ luật Dân sự.

Vào thời điểm ông H và bà T giải quyết việc ly hôn tại Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng, thì về tài sản chung là 02 căn nhà đường H và đường T giữa ông Nguyễn Huy H và bà Phan Lê Thanh T đã ký kết thỏa thuận

vào ngày 16-10-2019 với nội dung đây là tài sản chung của vợ chồng ông H, bà T; đã chuyển nhượng cho ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Kim T; bà T có trách nhiệm thôi trả cho ông H 500 triệu đồng và cam kết sau này không tranh chấp. Ngay sau khi ký biên bản thì bà T đã giao đủ cho ông H số tiền 500 triệu đồng. Như vậy, tại thời điểm ký kết thỏa thuận thì 02 căn nhà nói trên đã là tài sản của bà T theo quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Luật hôn nhân và gia đình và quyền sở hữu của ông H cũng chấm dứt theo quy định tại khoản 1 Điều 237 và Điều 238 của Bộ luật Dân sự. Nay ông H tiếp tục yêu cầu chia tài sản này là không có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng pháp luật; kháng cáo của ông H về nội dung này là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[5] Xét về quyết định án phí của Tòa án cấp sơ thẩm, thì thấy: Trong vụ án này ông Nguyễn Huy H có tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 02 căn nhà đường H và đường T, nhưng như phân tích ở trên thì Tòa án xác định đây không phải là tài sản của ông H. Theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì trường hợp Tòa án xác định tài sản chung mà đương sự yêu cầu chia không phải là tài sản của họ thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Việc Tòa án sơ thẩm buộc ông H phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản mà ông yêu cầu là không đúng quy định nói trên, nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại cho đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Nguyễn Huy H không phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng về án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 33, Điều 38 và Điều 39 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 221, Điều 222, khoản 1 Điều 237 và Điều 238 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy H đối với bà Phan Lê Thanh T về tranh chấp chia tài sản chung là 02 căn nhà đường H, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng và đường T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Kim T về việc yêu cầu công nhận quyền sở hữu.

Công nhận căn nhà xây dựng trên thửa đất tại địa chỉ đường H, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (thửa đất số 16; tờ bản đồ số B2.14) có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV584071 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06-01-2015 là tài sản của ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Kim T.

Công nhận căn nhà xây dựng trên thửa đất tại địa chỉ đường T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (thửa đất số 27; tờ bản đồ số B2.13) có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN024016 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17-4-2011 là tài sản của ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Kim T.

Ông Phan Văn Đ, bà Lê Thị Kim T có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà ở và tài sản trên đất tại địa chỉ đường H và đường T, cùng phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Huy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 21.000.000 đồng theo biên lai thu số 0006025 ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng; ông H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 20.700.000 đồng (Hai mươi triệu, bảy trăm ngàn đồng).

Ông Nguyễn Huy H không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông H 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0006711 ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

4. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân quận S;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hà Nam

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Phi Yến Đỗ Thị Thúy Năng

Ngô Hà Nam

